



# PHÂN TẦNG XÃ HỘI VỀ THU NHẬP VÀ CHI TIÊU Ở VIỆT NAM

Hoàng Thị Phương\*

Trường Đại học Hồng Đức

565 Quang Trung, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa

**Tóm tắt.** Trong quá trình phát triển kinh tế tại Việt Nam, phân tầng xã hội là điều không thể tránh khỏi. Thực trạng phân tầng trong xã hội thể hiện ra ở nhiều phương diện khác nhau nhưng rõ ràng nhất, được nhắc đến nhiều nhất là sự phân hóa giàu nghèo. Trong bài viết này, thông qua việc sử dụng các số liệu từ cuộc Điều tra mức sống hộ dân cư năm 2012 do Tổng cục thống kê thực hiện, tác giả muốn nêu lên một số vấn đề liên quan đến phân tầng xã hội về thu nhập và chi tiêu ở Việt Nam hiện nay. Cuộc điều tra khảo sát này được thực hiện trên phạm vi 63 tỉnh thành trong cả nước với mục đích thu thập các thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống cũng như tình trạng nghèo đói, phân hóa giàu nghèo. Từ đó, tác giả đưa ra những dữ liệu để các cấp chính quyền tham khảo trong quá trình xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm không ngừng nâng cao mức sống của các vùng, các địa phương trong cả nước. Các số liệu từ cuộc khảo sát đã cho thấy thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng từ năm 2002 đến năm 2012 luôn có xu hướng tăng nhưng bên cạnh đó lại có sự phân hóa về thu nhập và chi tiêu giữa nông thôn và thành thị, giữa 5 nhóm thu nhập và giữa các vùng trong cả nước.

**Từ khóa.** Mức sống, phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội, phân hóa về thu nhập, phân hóa về chi tiêu.

## 1. Đặt vấn đề

Phân tầng xã hội là một hiện tượng khó tránh khỏi trong quá trình tồn tại của xã hội loài người. Sự phân tầng xã hội có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như sự phân hóa giàu nghèo hay sự phân chia thành các giai cấp, tầng lớp trong xã hội như giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp thương nhân, tầng lớp doanh nhân; các nhóm nghề nghiệp như bác sỹ, kỹ sư, giáo viên, thợ thủ công, những người làm công ăn lương trong cơ quan nhà nước... và cả sự phân tầng xã hội thành những giai tầng lãnh đạo, quản lý và những giai tầng bị lãnh đạo, quản lý (Lê Ngọc Hùng, 2010).

Ở Việt Nam, hệ thống phân tầng xã hội đã xuất hiện và tồn tại từ lâu. Trong xã hội phong kiến, trên nền tảng sở hữu ruộng đất của giới địa chủ và các bậc vua chúa, phân tầng xã hội đã từng nảy sinh và tồn tại, phân tầng xã hội cũng đã tồn tại trong xã hội thuộc địa, thời kỳ kinh tế

---

\*Liên hệ: hoangphuongk48@gmail.com

tập trung... và trở nên rõ nét, phổ biến kể từ khi nước ta tiến hành đổi mới, phát triển kinh tế thị trường cũng như mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế.

Sự tồn tại của hệ thống phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo ở nước ta có thể mang đến nhiều hệ lụy cho xã hội như dẫn đến tình trạng bất bình đẳng xã hội, nếu khoảng cách phân hóa quá rộng có thể dẫn đến rối loạn trật tự xã hội. Chính vì vậy, việc tìm hiểu về thực trạng phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay là điều thật sự cần thiết để từ đó ta có thể đề ra các giải pháp để hạn chế sự phân tầng, rút ngắn khoảng cách về thu nhập, mức sống giữa các nhóm trong xã hội. Với ý tưởng đó, tác giả đã đi tìm hiểu về thực trạng phân tầng xã hội về thu nhập và chi tiêu ở Việt Nam hiện nay dựa trên việc phân tích các số liệu đã được thu thập từ cuộc Điều tra khảo sát mức sống dân cư năm 2012 do Tổng cục thống kê thực hiện.

## 2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Phân tầng xã hội đã và đang là vấn đề xã hội thu hút được sự quan tâm, chú ý nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, trong đó có các nhà xã hội học.

Theo Trịnh Duy Luân (2004), phân tầng xã hội là sự phân chia mang tính cấu trúc thành các tầng lớp, giai tầng xã hội dựa trên các đặc trưng vị thế kinh tế xã hội của các cá nhân, trong đó sử dụng đồng thời ba loại dấu hiệu, tiêu chí: kinh tế (tài sản, thu nhập), chính trị (quyền lực), văn hóa (uy tín). Phân tầng xã hội phản ánh những bất bình đẳng xã hội đã thành mô hình hay đã được cấu trúc hóa giữa tất cả các nhóm người khác nhau chứ không riêng giữa các cá nhân. Các hệ thống phân tầng xã hội là tương đối ổn định vì chúng thường gắn liền một cách có hệ thống với các thiết chế xã hội quan trọng như kinh tế, gia đình, chính trị, giáo dục, tôn giáo.

Nguyễn Đình Tấn (2010) cũng cho rằng, phân tầng xã hội là một cấu trúc tầng bậc cao thấp, phản ánh sự khác nhau, sự không ngang bằng nhau giữa các thành viên trong xã hội về ba dấu hiệu chủ yếu: địa vị chính trị, địa vị kinh tế, và địa vị xã hội. Ngoài ra, tác giả đã có sự phân chia phân tầng xã hội thành hai hình thức cơ bản là phân tầng xã hội hợp thức và phân tầng xã hội không hợp thức.

Phân tầng xã hội hợp thức là hình thức phân tầng chủ yếu dựa vào sự khác biệt khách quan, tự nhiên giữa các cá nhân trong xã hội về mặt năng lực (thể chất, trí tuệ), về tài đức, sự đóng góp, cống hiến thực tế cho xã hội. Những cá nhân có năng lực, có sự cống hiến cho xã hội càng nhiều thì càng xứng đáng có vị trí cao trong xã hội, xứng đáng được xã hội coi trọng, suy tôn và được hưởng những lợi ích vật chất cao nhất. Thực chất của hình thức phân tầng này là "làm theo năng lực, hưởng theo lao động". Đây có thể được coi là trật tự xã hội lý tưởng, thể hiện sự công bằng xã hội.

Phân tầng xã hội không hợp thức là sự phân tầng dựa vào những hành vi trái pháp luật như tham nhũng, lừa gạt, trộm cắp... để trở nên giàu có; luôn lợi, xu nịnh để có vị trí cao trong xã hội hoặc lười biếng, ỷ lại để rơi vào sự nghèo khổ, hèn kém. Hình thức phân tầng này thể

hiện sự bất công xã hội, bất bình đẳng xã hội, kìm hãm sự phát triển của xã hội. Nếu một xã hội tồn tại sự phân tầng xã hội không hợp thức thì đến một lúc nào đó sẽ tạo ra những mâu thuẫn xã hội, phá vỡ trật tự xã hội.

Lê Ngọc Hùng (2010) cho rằng, phân tầng xã hội là sự phân hoá xã hội theo chiều dọc tạo nên cấu trúc xã hội tầng lớp, trong đó tầng đỉnh chiếm vị thế và vai trò quyết định đối với sự vận động, biến đổi của các tầng lớp khác và cả hệ thống xã hội. Phân tầng xã hội tạo ra các tầng lớp trên dưới, cao thấp khác nhau về kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội và nhiều đặc điểm, tính chất khác.

Như vậy, phân tầng xã hội được hiểu một cách chung nhất là sự phân chia thành các giai cấp, tầng lớp trong xã hội dựa vào ba tiêu chí: kinh tế, quyền lực, uy tín. Sự phân chia này không phải là bất biến mà trên thực tế phát triển của xã hội vẫn có sự di chuyển của các cá nhân giữa các tầng lớp, giai cấp khác nhau. Sự di chuyển này có được là do sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như sự nỗ lực cố gắng của cá nhân, vận may, biết nắm bắt cơ hội...

Tuy rằng để có thể đánh giá, phân chia các tầng lớp, giai cấp trong xã hội chúng ta phải dựa vào cả ba tiêu chí. Tuy nhiên, trong thực tế nghiên cứu, các chỉ báo về quyền lực và uy tín là rất khó đo lường. Chính vì vậy, trong những nghiên cứu về phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay, các nhà khoa học dựa chủ yếu vào những chỉ báo về mặt kinh tế hay nghiên cứu về phân hóa giàu nghèo để chỉ ra sự phân tầng xã hội. Trong bài viết này, tác giả sẽ làm rõ hơn sự phân tầng xã hội về mặt kinh tế ở Việt Nam hiện nay thông qua hai khía cạnh là thu nhập và chi tiêu cũng như sự khác biệt về thu nhập và chi tiêu giữa hai khu vực nông thôn và thành thị, giữa các nhóm thu nhập và giữa các vùng trong cả nước.

Để có thể làm rõ nội dung nghiên cứu, tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu dựa trên các tài liệu thứ cấp là số liệu từ cuộc Điều tra mức sống hộ dân cư năm 2012 do Tổng cục thống kê thực hiện. Đây là cuộc khảo sát được thực hiện trên quy mô lớn với phạm vi là 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với cỡ mẫu là 46.995 hộ dân cư. Cuộc khảo sát này nhằm mục đích tìm hiểu các thông tin về mức sống của hộ, bao gồm thu nhập của hộ (mức thu nhập, các nguồn thu); chi tiêu của hộ (mức chi tiêu, chi tiêu phân theo mục đích và khoản chi) và một số thông tin khác của hộ và các thành viên trong hộ để phân tích nguyên nhân và sự khác biệt mức sống.

### **3. Kết quả và thảo luận**

#### **3.1. Phân tầng xã hội về thu nhập**

Một trong những cơ sở để đánh giá về sự phân hóa giàu nghèo đó là chỉ ra sự phân tầng về mặt thu nhập trong xã hội Việt Nam hiện nay.

##### **3.1.1. Sự phân tầng về thu nhập giữa thành thị và nông thôn**

Khi bàn về sự phân tầng xã hội, một trong những biểu hiện rõ nhất là sự khác biệt về mức sống giữa thành thị và nông thôn.

Bảng 1. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo khu vực thành thị và nông thôn (đv: 1000 VNĐ)

Khu vực	Năm					
	2002	2004	2006	2008	2010	2012
Cả nước	356,1	484,4	636,5	995,2	1.387,1	1.999,8
Thành thị	622,1	815,4	1.058,4	1.605,2	2.129,5	2.989,1
Nông thôn	275,1	378,1	505,7	762,2	1.070,4	1.579,4
Chênh lệch thành thị – nông thôn (lần)	2,26	2,15	2,09	2,10	1,98	1,89

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

Số liệu của các cuộc Điều tra mức sống hộ dân cư từ năm 2002 đến 2012 cho thấy thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng có xu hướng tăng ở cả thành thị và nông thôn, nhưng nó cũng cho thấy mức chênh lệch thu nhập giữa các nhân khẩu thành thị và nông thôn. Mức chênh lệch này tuy có giảm qua các năm nhưng vẫn còn cao, gần gấp đôi. Năm 2002, mức chênh lệch thu nhập là 2,26 lần; năm 2012 là 1,89 lần.

Như vậy, trong những năm từ 2002 đến 2012, mức sống của người dân đã có sự tăng lên, nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại sự phân hóa về mặt thu nhập.

### 3.1.2. Sự phân tầng thu nhập giữa các vùng trong cả nước

Thu nhập bình quân đầu người có sự chênh lệch rõ nét giữa các vùng trong cả nước, trong đó Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là 2 vùng có bình quân thu nhập đầu người cao nhất. Đây cũng là 2 vùng kinh tế trọng điểm, có 2 thành phố phát triển nhất cả nước là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 2. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo vùng (đv: 1000 VNĐ)

Vùng	Năm		
	2008	2010	2012
Đồng bằng sông Hồng	1.064,8	1.580,4	2.350,6
Trung du và miền núi phía Bắc	656,7	904,6	1.258,4
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	728,2	1.018,0	1.505,2
Tây Nguyên	794,6	1.087,9	1.643,3
Đông Nam Bộ	1.773,2	2.304,3	3.172,8
Đồng bằng sông Cửu Long	939,9	1.247,2	1.796,7

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

Số liệu các cuộc điều tra các năm 2008, 2010, và 2012 cho thấy thu nhập bình quân đầu người của các vùng đều tăng, nhưng tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các vùng là không thay đổi. Qua các năm, Đông Nam Bộ vẫn là vùng có thu nhập bình quân đầu người cao nhất và thấp nhất vẫn là Trung du miền núi phía Bắc. Mức chênh lệch thu nhập giữa 2 vùng này là 2,7 lần năm 2008; 2,54 lần năm 2010; 2,52 lần năm 2012. Con số chênh lệch tuy có giảm nhưng không đáng kể.

### 3.1.3. Sự phân tầng về thu nhập giữa 5 nhóm thu nhập

Năm nhóm thu nhập được đề cập đến ở đây bao gồm từ nhóm 1 đến nhóm 5 tương ứng với các nhóm nghèo, cận nghèo, trung bình, khá, và giàu. Số liệu điều tra cho thấy sự chênh lệch thu nhập bình quân đầu người 1 tháng giữa các nhóm này là khá rõ nét.

Bảng 3. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo nhóm thu nhập (đv: 1000 VNĐ)

Nhóm thu nhập	Năm					
	2002	2004	2006	2008	2010	2012
Nhóm 1	107,7	141,8	184,3	275,0	369,4	511,6
Nhóm 2	178,3	240,7	318,9	477,2	668,8	984,1
Nhóm 3	251,0	347,0	458,9	699,9	1.000,4	1.499,6
Nhóm 4	370,5	514,2	678,6	1.067,4	1.490,1	2.222,5
Nhóm 5	872,9		1.541,7	2.458,2	3.410,2	4.784,5
Chênh lệch giữa nhóm 1 và 5 (lần)	8,1		8,36	8,93	9,23	9,35

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

So sánh số liệu hai năm 2002 và 2012 cho thấy thu nhập của nhóm 1 tăng 4,75 lần, nhưng mức độ tăng vẫn thấp hơn so với nhóm 5, số liệu tương ứng đối với nhóm 5 là 5,48 lần. Năm 2002, mức chênh lệch bình quân thu nhập giữa nhóm 5 và nhóm 1 là 8,1 lần, đến năm 2012 là 9,35 lần. Điều này cho thấy sự phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay, một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của xã hội là sự di cư từ nông thôn ra đô thị. Nguyên nhân di cư có nhiều nhưng nổi bật và quan trọng nhất là vấn đề kinh tế. Người dân nông thôn di cư ra đô thị nhằm tìm kiếm việc làm, tìm kiếm cơ hội đổi đời... và phần nào đó bởi họ tin vào câu nói: "Giàu nhà quê không bằng ngôi lê thành phố". Số liệu ở bảng 4 đã khẳng định lại điều đó. Các con số về mức thu nhập bình quân đầu người của các nhóm thu nhập ở nông thôn và thành thị cho thấy mức chênh lệch thu nhập giữa nhóm giàu, nghèo ở nông thôn và đô thị.

Số liệu năm 2012 cho thấy mức thu nhập bình quân đầu người của người nghèo đô thị vẫn gấp 2,11 lần so với người nghèo nông thôn và số liệu tương ứng đối với nhóm người giàu là 1,87

lần. Cũng trong năm này, mức thu nhập của nhóm giàu (nhóm 5) của nông thôn là 3.614.800 VNĐ, mức thu nhập này chỉ tương đương với nhóm khá (nhóm 4) của thành thị với 3.198.300 VNĐ. Tương tự, mức thu nhập của nhóm cận nghèo ở nông thôn là 817.800 VNĐ, còn thấp hơn nhóm nghèo ở đô thị với mức thu nhập là 951.500 VNĐ.

Bảng 4. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng chia theo 5 nhóm thu nhập, thành thị, nông thôn (đv: 1000 VNĐ)

Năm	Chung	Nhóm thu nhập					Chênh lệch giữa nhóm 5 với nhóm 1 (lần)
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
<i>Thành thị</i>							
2002	622,1	184,2	324,1	459,8	663,6	1.479,2	8,0
2004	815,4	236,9	437,3	616,1	876,7	1.914,1	8,1
2006	1.058,4	304,0	575,4	808,1	1.116,1	2.488,3	8,2
2008	1.605,2	453,2	867,8	1.229,9	1.722,2	3.752,4	8,3
2010	2.129,5	632,6	1.153,5	1.611,5	2.268,4	4.983,4	7,9
2012	2.989,1	951,5	1.672,2	2.332,9	3.198,3	6.794,4	7,1
<i>Nông thôn</i>							
2002	275,1	100,3	159,8	217,7	299,4	598,6	6,0
2004	378,1	131,2	215,1	297,6	416,2	835,0	6,4
2006	505,7	172,1	287,0	394,4	552,4	1.122,5	6,5
2008	762,2	251,2	415,4	583,1	828,7	1.733,6	6,9
2010	1.070,4	330,0	568,4	820,5	1.174,6	2.461,8	7,5
2012	1.579,4	450,2	817,8	1.227,7	1.788,9	3.614,8	8,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

Số liệu về mức độ chênh lệch giữa nhóm 5 và nhóm 1 ở thành thị và nông thôn cho thấy trong những năm gần đây, trong khi mức chênh lệch giữa 2 nhóm thu nhập này có xu hướng giảm ở thành thị thì ở nông thôn lại có xu hướng tăng, mức độ phân hóa giàu nghèo ở nông thôn ngày càng giãn rộng. Điều này cho thấy nhiều người dân nông thôn đã biết nắm bắt cơ hội, đầu tư làm ăn. Ngày nay, chúng ta thấy sự xuất hiện ngày càng nhiều của các tỷ phú nông dân.

Trong xã hội luôn có những cá nhân có mức thu nhập cao hơn người khác do mỗi người có năng lực, các cơ hội, điều kiện, sự đóng góp... khác nhau trong cuộc sống. Sự chênh lệch thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn, giữa nhóm người giàu và nhóm người nghèo cũng đang ngày càng giãn rộng. Tuy rằng, đối với nước ta hiện nay, sự phân tầng xã hội là cần thiết để thúc đẩy các cá nhân trong xã hội vươn lên khẳng định bản thân, làm giàu cho bản thân và đất nước nhưng vẫn nên có những chủ trương, chính sách, chế độ an sinh phù hợp... góp phần

làm giảm sự bất bình đẳng xã hội do tác động của quá trình phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội mang lại.

### 3.2. Phân tầng xã hội về chi tiêu

Sự phân tầng về mặt thu nhập tất yếu dẫn đến sự phân tầng về mặt chi tiêu trong xã hội. Trong phần này, tác giả sẽ đề cập đến sự phân tầng về mặt chi tiêu giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng cũng như giữa các nhóm thu nhập trong xã hội.

#### 3.2.1. Phân tầng về chi tiêu giữa thành thị và nông thôn

Có sự chênh lệch về tổng chi tiêu bình quân nhân khẩu 1 tháng giữa khu vực thành thị và nông thôn. Mức chênh lệch này tuy có giảm qua các năm nhưng vẫn ở mức cao, 2,14 lần năm 2002 và vẫn còn ở mức 1,73 lần năm 2012.

Bảng 5. Tổng chi tiêu bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng chia theo thành thị, nông thôn (đv: 1000 VNĐ)

Khu vực	Năm					
	2002	2004	2006	2008	2010	2012
Cả nước	294	397	511	792	1,211	1,603
Thành thị	498	652	812	1,245	1,828	2,288
Nông thôn	232	314	402	619	950	1,315
Chênh lệch thành thị – nông thôn (lần)	2,14	2,076	2,02	2,01	1,92	1,73

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

#### 3.2.2. Phân tầng chi tiêu giữa các vùng trong cả nước

Trương tự như trong phần thu nhập, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là 2 khu vực có mức chi tiêu bình quân nhân khẩu cao nhất cả nước và thấp nhất vẫn là Trung du miền núi phía Bắc.

Bảng 6. Tổng chi tiêu bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng chia theo vùng (đv: 1000 VNĐ)

Vùng	Năm		
	2008	2010	2012
Đồng bằng sông Hồng	825	1,438	1,897
Trung du và miền núi phía Bắc	558	866	1,195
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	624	1,015	1,406
Tây Nguyên	671	971	1,483
Đông Nam Bộ	1,381	1,724	2,145
Đồng bằng sông Cửu Long	709	1,058	1,363

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

Mức chênh lệch về chi tiêu giữa hai vùng cao nhất và thấp nhất (Đông Nam Bộ và Trung du miền núi phía Bắc) là 2,47 lần năm 2008; 1,99 lần năm 2010; 1,79 lần năm 2012. Tuy con số chênh lệch về chi tiêu có thấp hơn so với thu nhập nhưng cũng đủ nói lên sự chênh lệch về mức sống giữa các vùng này.

### 3.3.3. Phân tầng về chi tiêu giữa các nhóm thu nhập

Sự chênh lệch về thu nhập tất yếu dẫn đến sự chênh lệch về chi tiêu giữa 5 nhóm thu nhập.

Bảng 7. Chi tiêu cho đời sống bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng chia theo 5 nhóm thu nhập

(đv: 1000 VNĐ)

Năm	Chung	Nhóm thu nhập					Chênh lệch giữa nhóm 5 với nhóm 1 (lần)
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
2002	269	123	170	214	290	549	4,5
2004	360	160	226	294	404	715	4,5
2006	460	202	286	377	522	917	4,5
2008	705	330	460	568	776	1,391	4,2
2010	1,139	499	720	914	1,247	2,311	4,6
2012	1,503	558	898	1,246	1,697	3,115	5,6

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

Chênh lệch về mặt chi tiêu giữa các nhóm thu nhập là không đổi trong các cuộc điều tra của các năm 2002, 2004, 2006, giảm nhẹ trong năm 2008, nhưng lại tăng mạnh trong các năm 2010, 2012. Mức chi tiêu của nhóm 5 có mức độ tăng nhiều hơn so với nhóm 1. Khi mức sống của người dân ngày càng tăng cao thì các dịch vụ liên quan đến cuộc sống cũng ngày càng phát triển, nhu cầu tiêu dùng tăng cao... Các nhóm có mức thu nhập cao là những người có điều kiện hơn và cũng dễ dàng hơn trong việc tiếp nhận và sử dụng các dịch vụ này.

Bảng 8. Chi tiêu cho đời sống bình quân 1 nhân khẩu 1 tháng của 5 nhóm thu nhập chia theo thành thị, nông thôn (đv: 1000 VNĐ).

Năm	Chung	Nhóm thu nhập					Chênh lệch giữa nhóm 5 với nhóm 1 (lần)
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
<i>Thành thị</i>							
2002	461	198	292	395	537	882	4,5
2004	595	253	398	540	694	1,091	4,3
2006	738	320	500	646	835	1,391	4,4



2008	1.115	497	740	930	1,186	2,220	4,5
2010	1,726	769	1,068	1,466	2,009	3,318	4,3
2012	2,161	873	1,408	1,833	2,431	4,258	4,9
<i>Nông thôn</i>							
2002	211	116	156	191	235	358	3,1
2004	284	152	208	260	326	474	3,1
2006	359	188	258	322	414	613	3,3
2008	548	306	419	504	614	899	2,9
2010	891	460	644	788	1,003	1,560	3,4
2012	1,226	506	794	1,056	1,404	2,370	4,7

(Nguồn: Tổng cục thống kê, Điều tra mức sống hộ dân cư, 2012)

Mức chênh lệch về chi tiêu giữa các nhóm thu nhập của nông thôn tăng nhanh hơn so với khu vực thành thị. Điều này phần nào cho thấy sự thay đổi về mức sống của người dân nông thôn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn sự chênh lệch cao về chi tiêu giữa các cá nhân trong cùng một nhóm thu nhập giữa hai khu vực. Năm 2012, mức chi tiêu của nhóm giàu (nhóm 5) của thành thị cao gấp 1,79 lần so với nhóm giàu nông thôn, mức chi tiêu của nhóm giàu nông thôn chỉ tương đương với nhóm khá (nhóm 4) của thành thị.

Những nghiên cứu về mức sống gần đây cũng cho thấy khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam tăng từ 9,2 lần năm 2010 lên khoảng 9,4–9,5 lần năm 2012. Trong khi thu nhập tăng trong tất cả các nhóm thì thu nhập bình quân của nhóm 20 % người giàu nhất so với thu nhập của nhóm 20 % thu nhập nghèo nhất đã tăng từ 7 lần lên 8,5 lần trong giai đoạn 2004–2010.

Số liệu trên cho thấy, ở Việt Nam hiện nay đang diễn ra sự phân hóa, phân tầng xã hội mạnh mẽ. Sự phân hóa này không chỉ diễn ra giữa các giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội mà còn diễn ra giữa các thành viên trong từng tầng lớp, giai cấp xã hội, được biểu hiện ra bằng sự khác biệt về mặt vị thế, vai trò, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, mức sống, cơ hội thăng tiến...

#### 4. Kết luận

Các số liệu điều tra từ năm 2002 đến năm 2012 cho thấy mức sống của người dân trong cả nước hiện nay có xu hướng tăng nhưng vẫn đang tồn tại sự phân tầng về thu nhập và chi tiêu giữa các nhóm hộ gia đình. Trong đó, thu nhập bình quân và mức chi tiêu 1 nhân khẩu 1 tháng ở thành thị luôn cao hơn ở nông thôn, ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng cao hơn so với các vùng khác trong cả nước, ở nhóm người giàu thành thị cao hơn so với nhóm người giàu nông thôn. Sự chênh lệch về thu nhập và chi tiêu giữa người giàu và người nghèo có xu hướng

ngày càng tăng. Cho dù phân tầng xã hội là một trong những động lực mạnh mẽ để kích thích các cá nhân trong xã hội vươn lên thay đổi địa vị của bản thân trong xã hội và là kích cầu cần thiết để Việt Nam có thể phát triển, vươn cao, vươn xa. Tuy nhiên, để sự phân tầng này không dẫn đến sự bất bình đẳng rõ nét, gây ra mất ổn định xã hội, chúng ta cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động liên quan đến xóa đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa nhóm giàu và nghèo trong xã hội, để mọi cá nhân đều được tạo cơ hội để đóng góp và khẳng định vị thế của mình trong cho xã hội.

### Tài liệu tham khảo

1. *Chênh lệch giàu nghèo ở Việt Nam lên đến 9.5 lần* (<http://vov.vn/xa-hoi/chenh-lech-giau-ngheo-o-viet-nam-len-toi-95-lan-296156.vov>, truy cập ngày 27/1/2015).
2. Lê Ngọc Hùng (2010), *Chênh lệch giàu nghèo và phân tầng xã hội ở Hà Nội hiện nay* ([http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=28340652&cn\\_id=427766](http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=28340652&cn_id=427766), truy cập 27/1/2015).
3. Trịnh Duy Luân (2004), Vấn đề phân tầng xã hội Việt Nam hiện nay: Nhìn lại một số khía cạnh phương pháp luận từ cách tiếp cận xã hội học, *Tạp chí Xã hội học*, Số 3 (87), tr14-24.
4. Nguyễn Đình Tấn (2010), Xã hội học về cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội—Một chặng đường 20 năm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng, *Tạp chí Xã hội học*, Số 3 (111), tr6-12.
5. Tổng cục thống kê (2012), *Số liệu điều tra mức sống hộ dân cư*.

## SOCIAL STRATIFICATION OF INCOME AND EXPENDITURE IN VIETNAM

Hoang Thi Phuong\*

Hong Duc University, 565 Quang Trung St., Thanh Hoa, Vietnam

**Abstract.** Social division is an inevitable issue in the economic development process of Vietnam. Current stratification in the society takes place in various aspects, and the most obvious one is the gap between the rich and the poor. In this article, by using data from the survey of the General Statistics Office about population living standards in 2012, the author raised a number of issues related to social stratification in current income and expenditure in the country. This survey was conducted in 63 provinces and cities all over the country; it aimed to collect data for evaluating the living standard as well as the poverty status and the gap between the rich and the poor. Thus, the data would be useful for the authorities as the reference to design national target programs for the sake of improving living standard for regions and areas throughout the country. The data from the survey revealed that the average monthly income from 2002 to

2012 increased continuously; however, there were divisions in income and expenditure among rural and urban areas, among 5 income groups and among regions of the country.

**Keywords.** population living standards, gap between the rich and poor, social stratification, divisions in income divisions in expenditure.